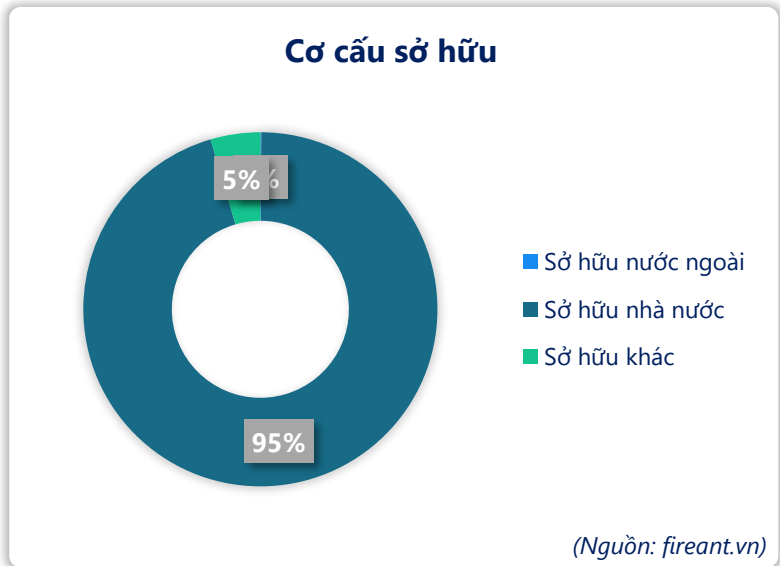
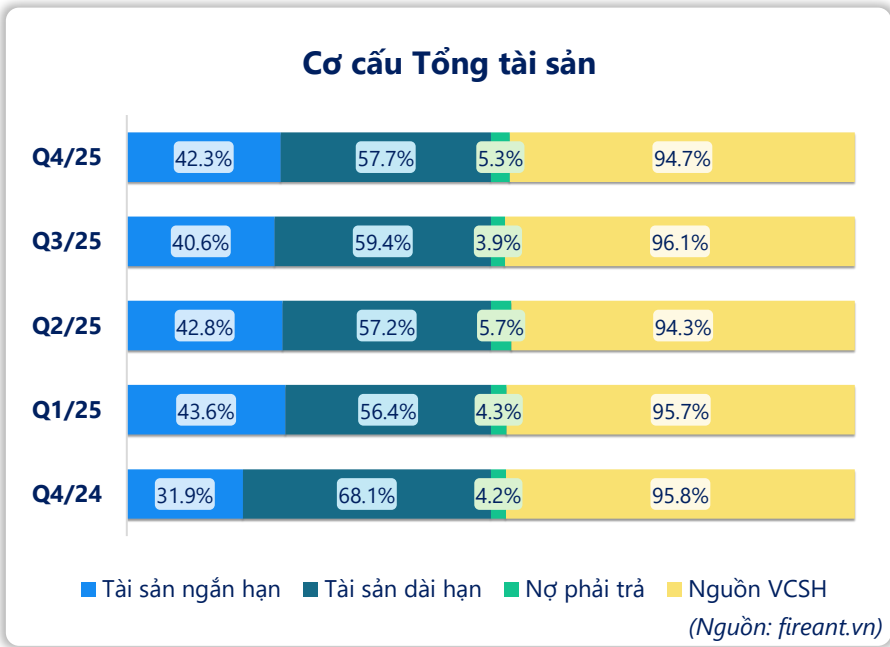
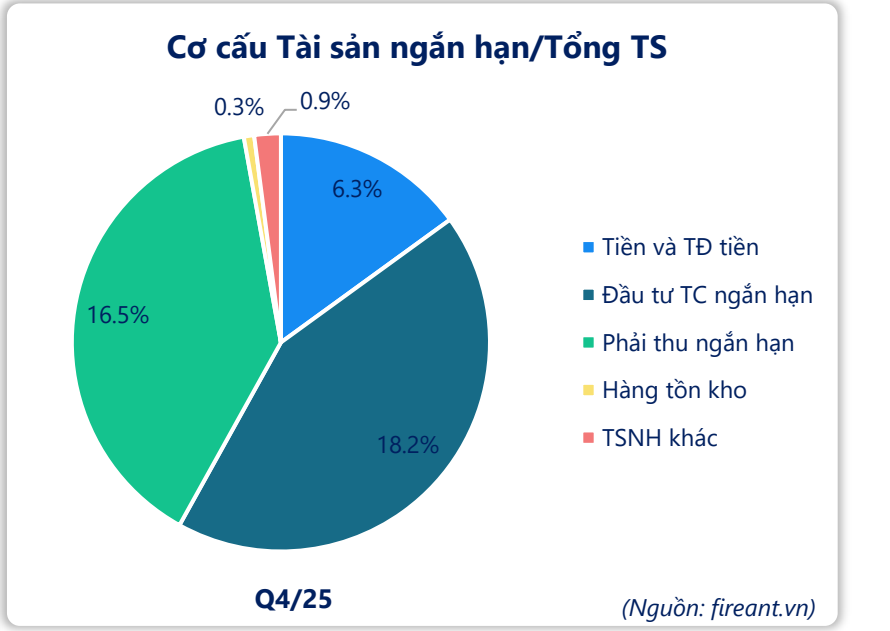
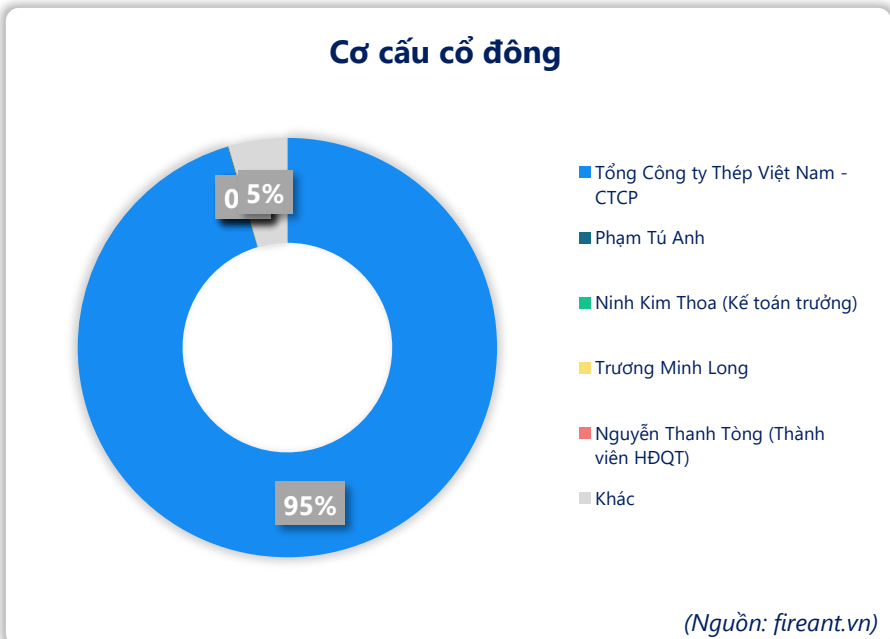
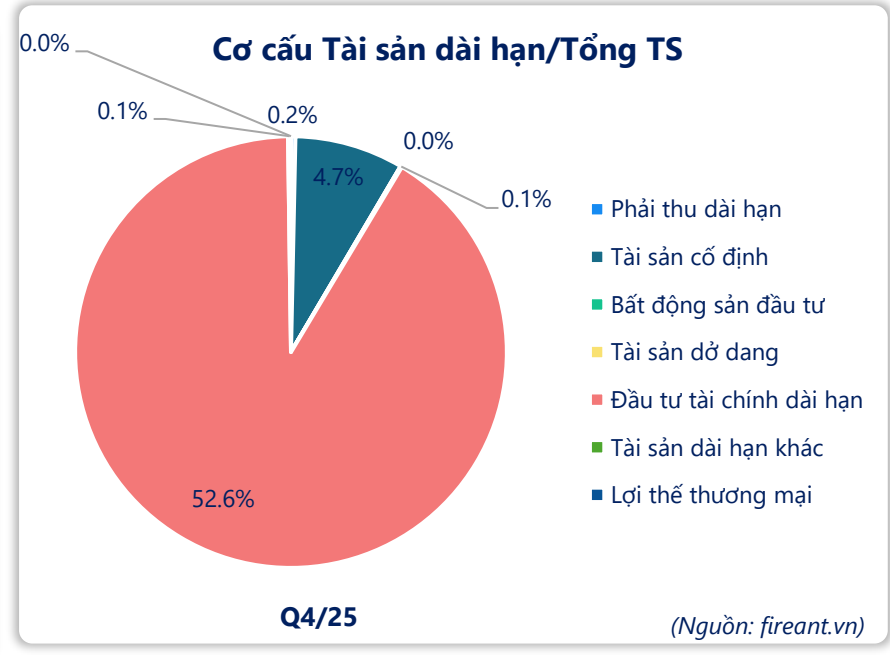
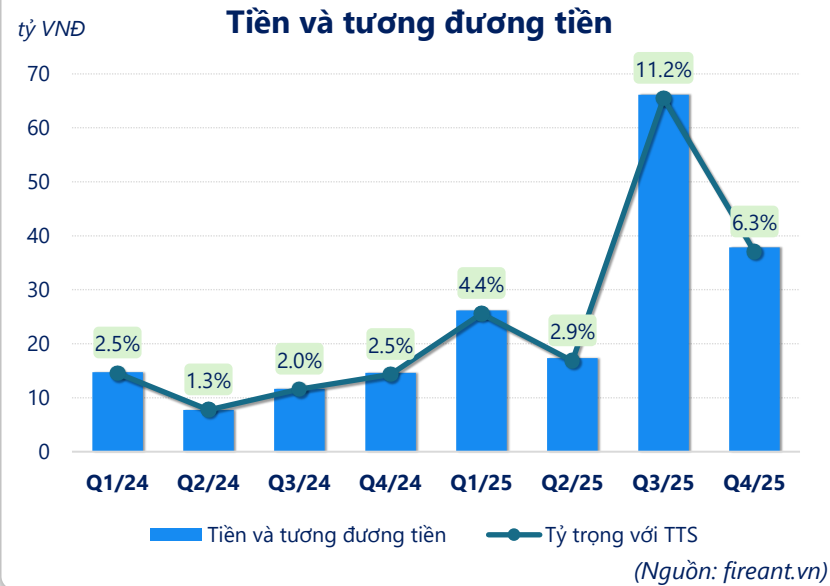
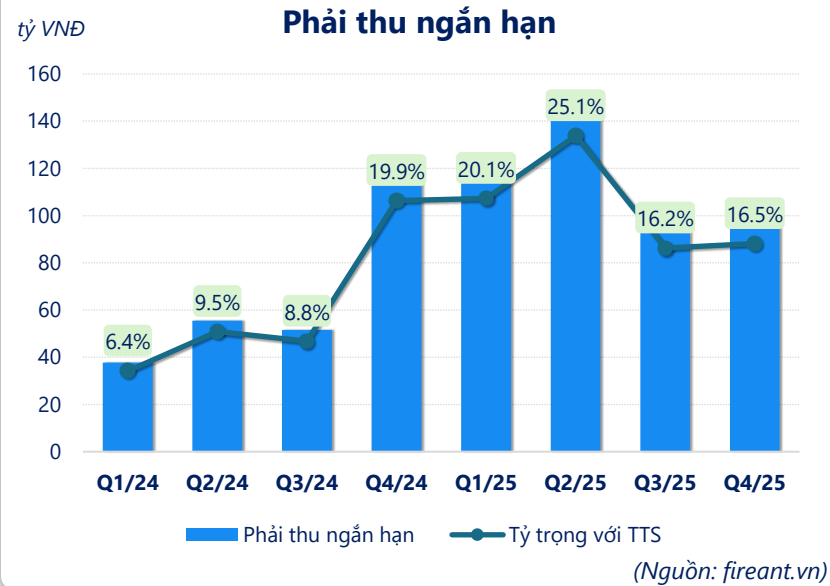
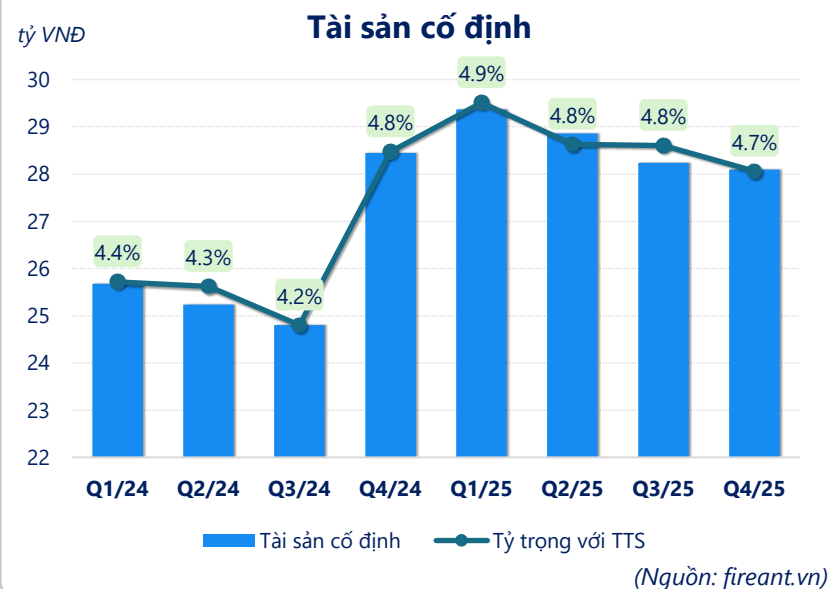
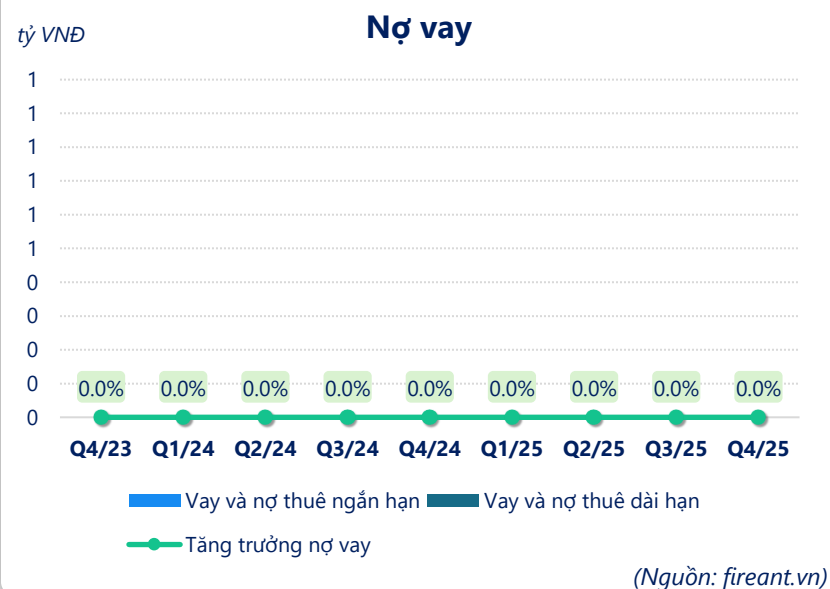
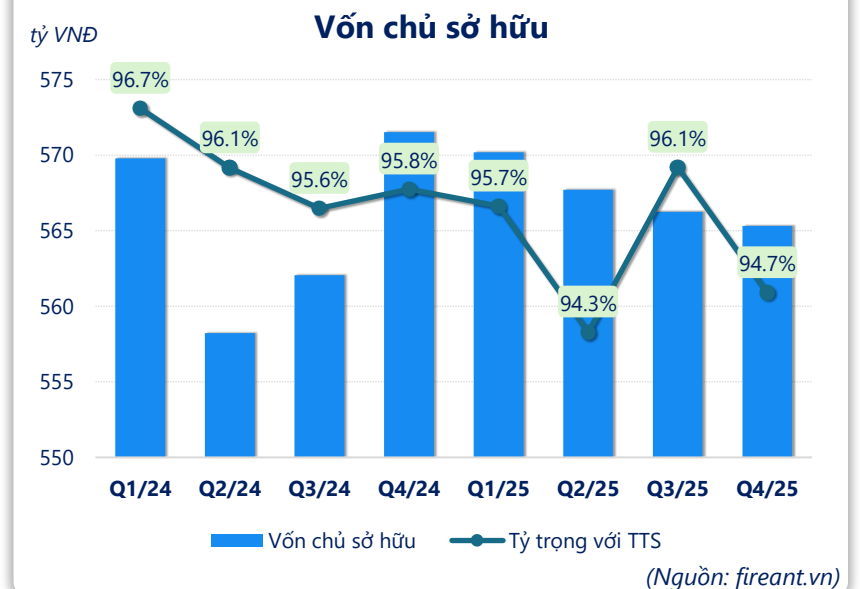
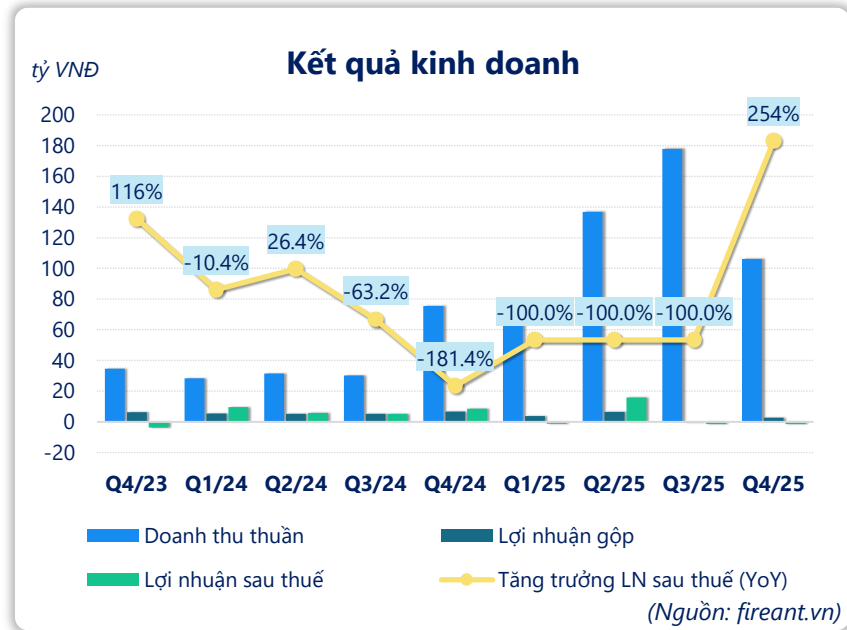
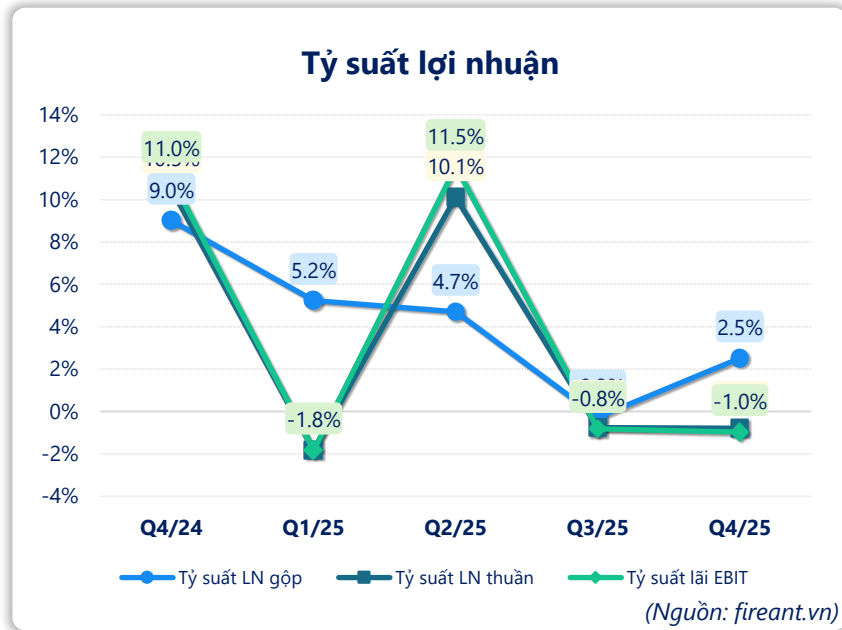
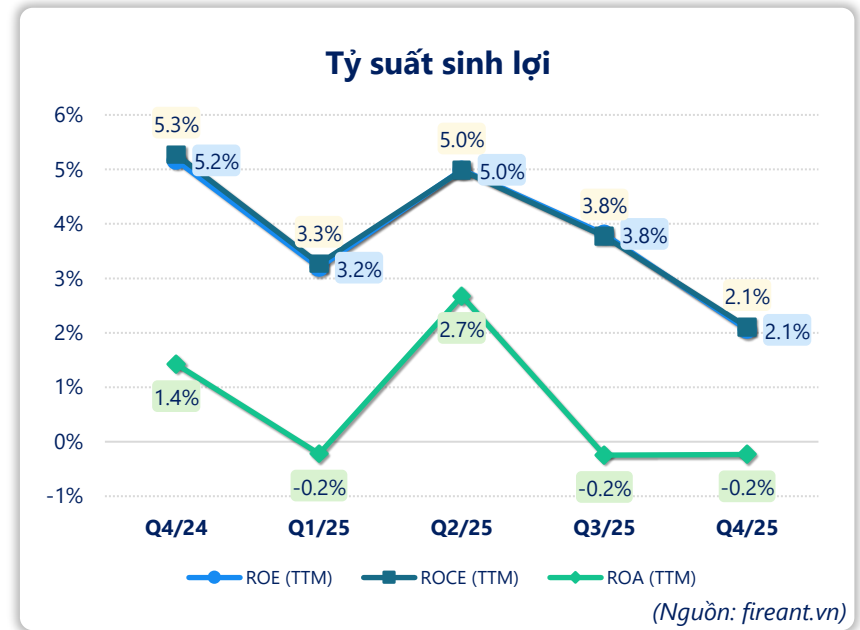
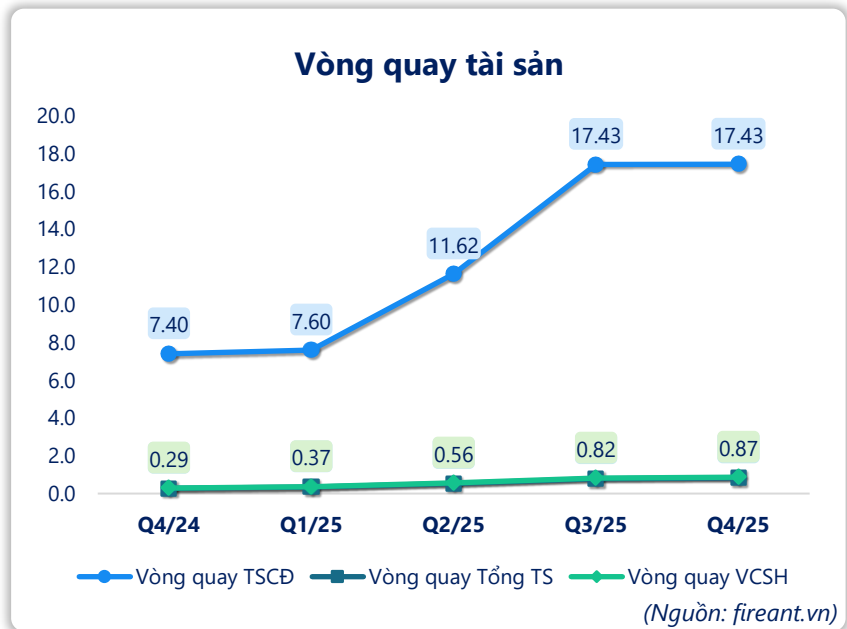
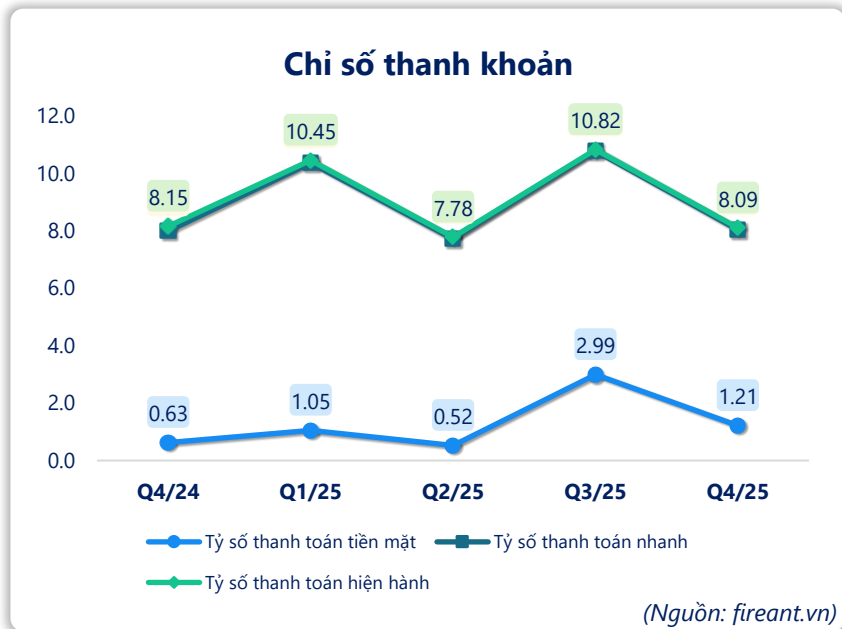
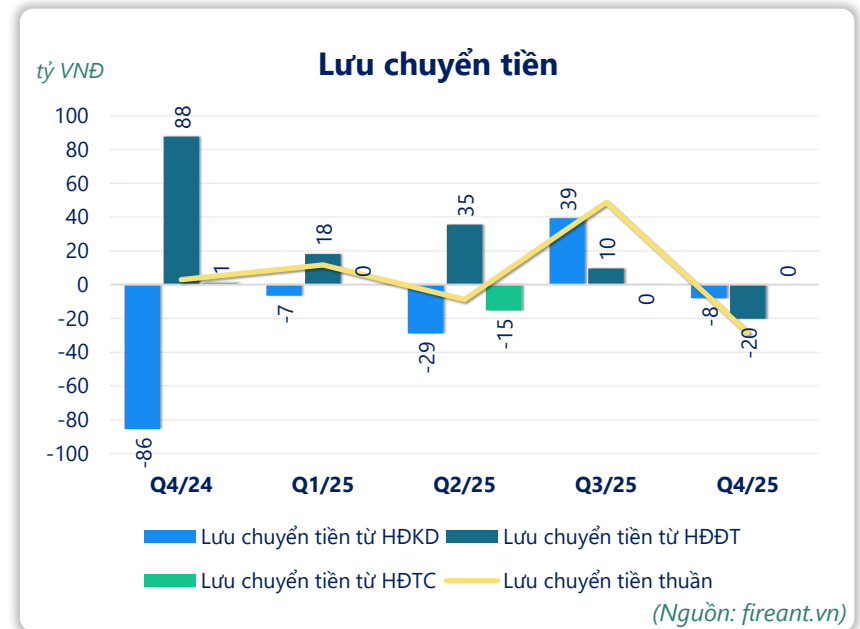


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,795
SL cổ phiếu LH		25,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,755
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		454
P/E		38.9
EPS		458

	YTD	1T	3T	6T
VIN	32.6%	-9.2%	4.1%	21.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	597	596	0.1%
Tài sản ngắn hạn	252	190	32.6%
Tiền và tương đương tiền	37.8	14.6	159%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	109	51.0	113%
Phải thu ngắn hạn	98.6	119	-17.1%
Hàng tồn kho	2.01	3.83	-47.4%
Tài sản ngắn hạn khác	5.17	1.82	184%
Tài sản dài hạn	344	406	-15.2%
Phải thu dài hạn	1.13	0.72	57.6%
Tài sản cố định	28.1	28.4	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.37	0.94	-60.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	314	375	-16.2%
Tài sản dài hạn khác	0.75	1.29	-41.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	31.4	24.8	26.5%
Nợ ngắn hạn	31.2	23.3	33.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	10.2	69.8%
Nợ dài hạn	0.21	1.48	-85.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	565	572	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	565	572	-1.1%
Vốn điều lệ	255	255	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	75.4	71.9	137	178	106
Giá vốn hàng bán	68.6	68.2	130	178	104
Lợi nhuận gộp	6.79	3.76	6.44	-0.48	2.67
Doanh thu HĐTC	5.43	77.9	10.2	1.08	13.8
Chi phí TC	0.07	0.01	0.04	0.00	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	6.18	-70.1	8.43	6.28	-5.25
Chi phí bán hàng	2.04	2.58	2.13	1.48	1.65
Chi phí QLDN	8.38	10.3	9.03	6.75	10.4
LN thuần từ HĐKD	7.92	-1.32	13.8	-1.35	-0.85
Lợi nhuận khác	0.38	0.00	1.96	-0.12	-0.18
LN trước thuế	8.29	-1.32	15.8	-1.47	-1.03
Lợi nhuận sau thuế	8.50	-1.32	15.8	-1.47	-1.34
LNST của CĐ cty mẹ	8.45	-1.30	15.8	-1.44	-1.39

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-85.6	-6.60	-29.0	39.3	-8.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	87.6	18.2	35.4	9.52	-20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.97	0	-15.3	-0.02	0
Tiền đầu kỳ	11.7	14.6	26.2	17.4	66.1
Lưu chuyển tiền thuần	2.96	11.6	-8.80	48.8	-28.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	-0.01	0.01	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	14.6	26.2	17.4	66.1	37.8

(Nguồn: fireant.vn)